

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Định và bà Vũ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Bửu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đình Lộc – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân khu vực 10 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – Sinh ngày: 10/5/1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M (N là thôn N, xã H), tỉnh Gia Lai (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Đình T1** – Sinh ngày: 02/12/1988

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M (N là thôn N, xã H), tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện I (Nay là xã I), tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 24 ngày 06/3/2013. Quá trình chung

sống chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm cách sống không hòa hợp, anh T1 nhiều lần đánh đập vợ và con nên chị T đưa cả 02 con vào Đồng Nai và làm công nhân nuôi con, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc gia đình không thể kéo dài để cùng nuôi dưỡng con khôn lớn. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Thương yêu C Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đình T1.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 có 02 người con chung là cháu Phạm Thanh T2 – Sinh ngày: 20/10/2011 và cháu Phạm Đình K – Sinh ngày: 07/7/2013. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu T2 và cháu K mà không yêu cầu anh Phạm Đình T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 không có nợ ai và không ai nợ chị T, anh T1 nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Phạm Đình T1, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh Phạm Đình T1 gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Phạm Đình T1 vẫn cố tình không đến làm việc và tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa. Anh Phạm Đình T1 cố tình không có ý kiến gì thể hiện chính kiến về giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đình T1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 235, 238 và Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Đình T1.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu Phạm Thanh T2 – Sinh ngày: 20/10/2011 và cháu Phạm Đình K – Sinh ngày: 07/7/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Phạm Đình T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 không có nợ ai và không ai nợ chị T, anh T1. Do đó, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 có đăng ký theo quy định pháp luật vào ngày 06/3/2013. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số: 24 ngày 06/3/2013 mang tên Nguyễn Thị T - Phạm Đình T1 do Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện I (Nay là xã I), tỉnh Gia Lai cấp mà nguyên đơn đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình thụ lý vụ án xác định anh Phạm Đình T1 cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện M (N là thôn N, xã H), tỉnh Gia Lai. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Gia Lai.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của nguyên đơn và xác nhận tại địa phương, nhận thấy trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 có phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đối với anh Phạm Đình T1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh Phạm Đình T1 không còn thiết tha với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh chị đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Đình T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình T1 có 02 người con chung là cháu Phạm Thanh T2 – Sinh ngày: 20/10/2011 và cháu Phạm Đình K – Sinh ngày: 07/7/2013. Theo nguyện vọng của các con và chị Nguyễn Thị Thương

yêu C sau khi ly hôn chị được Tòa án giao cả 02 người con chung là cháu Phạm Thanh T2 và cháu Phạm Đình K cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà anh Phạm Đình T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì cả 02 con chung hiện đang ở với chị T, anh Phạm Đình T1 mấy năm nay không có trách nhiệm nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung: Không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Phạm Đình T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Đình T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2013 mang tên Nguyễn Thị T - Phạm Đình T1 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thị trấn I, huyện I (Nay là xã I), tỉnh Gia Lai cấp).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thanh T2 – Sinh ngày: 20/10/2011 và cháu Phạm Đình K – Sinh ngày: 07/7/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi con chưa thành niên

hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Đình T1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 13 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang (Nay là Thi hành án dân sự), tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/7/2025), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10
- THADS tỉnh Gia lai
- UBND xã Ia Grai
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương